



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THỰC PHẨM SAO VIỆT

Địa chỉ: Tổ 6 P. Thạch Bàn, Q. Long Biên, Hà Nội. — MST: 0101827452

THỰC ĐƠN BÁN TRÚ TRƯỜNG TIỂU HỌC THẠCH BÀN B NĂM HỌC 2024-2025

Suất ăn 30.000k/ học sinh đã bao gồm Vat

THỰC ĐƠN HỌC SINH

THỰC ĐƠN HỌC SINH (TUẦN TỪ 23/9 - 27/9/2024)						
	Bữa ăn	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
1	Món cơm	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng
2	Món chính	Thịt lợn tẩm rán	Gà sốt chua ngọt	Bò sốt vang	Thịt xay rang mắm	Gà chiên giòn
3	Món phụ	Trứng sốt cà chua	Thịt đậu sốt cà	Trứng đúc thịt	Gà nấu cari	Chả cá rim
4	Món rau	Bắp cải xào cà	Susu cà rốt xào	Khoai tây xào	Giá xào hành	Bí xanh xào gừng
5	Món canh	Canh thịt nấu chua	Canh bí xanh nấu tôm	Canh củ quả nấu thịt	Canh bắp cải nấu thịt	Canh khoai tây cà rốt nấu xương
6	Bữa phụ	Sữa Kun cam	Bánh tươi nhân cốt	Sữa Proyo cam Orion	Bánh trứng Custas	Sữa Kun dâu



TRƯỜNG TIỂU HỌC THẠCH BÀN

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hương



ĐẠI DIỆN CÔNG TY

GIÁM ĐỐC

Mai Thị Vân Anh



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THỰC PHẨM SAO VIỆT

Địa chỉ: Tổ 6 P.Thạch Bàn, Q Long Biên, Hà Nội. --- MST: 0101827452

TEL: 0913.315.004 - 0466.828.728 - Email: thucphamsaoviet@gmail.com

SUẤT ĂN HỌC SINH BẮN TRÚ TIÊU HỌC THẠCH BÀN b NĂM HỌC 2024-2025

Suất ăn 30.000đ trên một học sinh đã bao gồm VAT

Tuần	4	23-09-24	27-09-24
------	---	----------	----------

Ghi chú : Định lượng chín chỉ có tính chất tham khảo. Rau và canh có thể thay đổi

Thứ	Tên món	Thực phẩm	ĐL	Đơn Giá	Thành	ĐL	Klo	Phụ Phí	Giá Trị	T Thuế	VAT	Tổng
Thứ Hai	Cơm trắng	Cơm trắng	0.11	21,000	2,310	0.22	79.2	Khí đốt	1,200	28,487	3,000	31,487
	Thịt lợn tâm rán	Thịt lợn	0.05	135,000	6,750	0.03	119.4	CNV	2,295			
		Bột chiên giòn	0.01	55,000	550	0.006	0	KH	500			
		Ngũ vị hương	0.001	100,000	100	0.0006	44	Bảo hiểm	50			
	Trứng sốt cà chua	Trứng gà	0.5	3,600	1,800	0.2	47	Lãi	1,295			
		Cà chua	0.005	30,000	150	0.003	5.2	Nước tẩy/rửa xe giao hàng	50			
		Hành lá	0.001	30,000	30	0.0006	17.4		247			
	Bắp cải xào cà	Bắp cải	0.055	25,000	1,375	0.033						
		Cà rốt	0.005	25,000	125	0.003						
	Canh thịt nấu chua	Thịt xay	0.002	135,000	270	0.0012						
		Me chua	0.03	40,000	1,200	0.018						
		Cà chua	0.008	30,000	240	0.0048						
	Sữa Kun cam	Sữa kun cam	1	5,000	5,000							
	Gia vị nấu	Dầu ăn	0.03	65,000	1,950							
		Gia vị			1,000							
	Tổng thứ Hai				22,850		788.675		5,637			
Thứ	Tên món	Thực phẩm	ĐL Sổng	Đơn Giá	Thành Tiền	ĐL Chín	Klo	Phụ Phí	Giá Trị	T Thuế	VAT	Tổng Tiền
Thứ Ba	Cơm trắng	Cơm trắng	0.11	21,000	2,310	0.22	389.4	Khí đốt	1,200	26,937	3,000	29,937
	Gà sốt chua ngọt	Gà CN	0.085	80,000	6,800	0.051	119.4	CNV	2,295			
		Sốt chua ngọt	0.002	55,000	110	0.0012	0	KH	500			
		Đường	0.002	30,000	60	0.0012	44	Bảo hiểm	50			
		Dấm	0.001	20,000	20	0.0006	47	Lãi	1,295			
	Thịt đậu sốt cà	Thịt lợn	0.005	135,000	675	0.003	5.2	Nước tẩy/rửa xe giao hàng	50			
		Đậu phụ	0.055	30,000	1,650	0.033						
		Cà chua	0.01	30,000	300	0.006						
	Susu cà rốt xào	Su su	0.05	25,000	1,250	0.03	17.4		247			
		cà rốt	0.001	25,000	25	0.0006						
	Canh bí xanh nấu tôm	Tôm	0.001	200,000	200	0.0006						

		Bí xanh	0.03	25,000	750	0.018						
		Gừng củ	0.0005	50,000	25	0.0003						
	Bánh tươi nhân cốm	cốm	1	4,500	4,500							
	Gia vị nấu	Dầu ăn	0.025	65,000	1,625							
		Gia vị			1,000							
	Tổng thứ Ba				21,300		788.675		5,637			
Thứ	Tên món	Thực phẩm	ĐL Sổng	Đơn Giá	Thành Tiền	ĐL Chính	Kilo	Phụ Phí	Giá Trị	T Thuế	VAT	Tổng Tiền
Thứ Tư	Cơm trắng	Gạo tẻ thơm	0.11	21,000	2,310	0.22	389.4	Khí đốt	1,200	25,617	3,000	28,617
	Bò sốt vang	Thịt bò	0.025	180,000	4,500	0.015	156	CNV	2,295			
		Ngũ vị hương	0.001	100,000	100	0.0006	99.6	KH	500			
		Cà rốt	0.03	25,000	750	0.018		Bảo hiểm	50			
		cà chua	0.005	30,000	150	0.003	10.2	Lãi	1,295			
	Trứng đúc thịt	Thịt lợn	0.005	135,000	675	0.003		Nước tẩy/rửa xe giao hàng	50			
		Trứng gà	0.5	3,600	1,800	0.3	5.2		247			
					0	0	19					
	Khoai tây xào	Khoai tây	0.055	25,000	1,375	0.033						
					0	0						
	Canh củ quả nấu thịt	Thịt	0.002	135,000	270	0.0012						
		Su su	0.02	25,000	500	0.012						
		Cà rốt	0.01	25,000	250	0.006						
	Sữa Proyo cam Orion	Orion	1	5,000	5,000							
	Gia vị nấu	Dầu ăn	0.02	65,000	1,300							
		Gia vị			1,000		100					
	Tổng thứ Tư				19,980		779.4		5,637			
Thứ	Tên món	Thực phẩm	ĐL Sổng	Đơn Giá	Thành Tiền	ĐL Chính	Kilo	Phụ Phí	Giá Trị	T Thuế	VAT	Tổng Tiền
Thứ Năm	Cơm trắng	Cơm trắng	0.11	21,000	2,310	0.22	440	Khí đốt	1,200	26,747	3,000	29,747
	Thịt xay rang mắm	Thịt xay	0.06	135,000	8,100	0.036	119.4	CNV	2,295			
	Gà nấu cari	Gà CN file	0.001	100,000	100	0.0006	0	KH	500			
		Khoai tây	0.035	25,000	875	0.021	44	Bảo hiểm	50			
		Cà rốt	0.02	25,000	500	0.012	47	Lãi	1,295			
		Bột cà ri	0.001	100,000	100	0.0006	5.2	Nước tẩy/rửa xe giao hàng	50			
	Giá xào hành	Giá	0.05	25,000	1,250	0.03	10.2		247			
		Cà rốt	0.005	25,000	125	0.003	10.2					
		Hành lá	0.001	30,000	30							

	Canh bắp cải nấu thịt	Thịt xay	0.002	135,000	270	0.0012	5.2					
		Bắp cải	0.02	25,000	500	0.012						
		cà chua	0.005	30,000	150	0.003						
	Bánh trứng Custas	Custas	1	4,500	4,500							
	Gia vị nấu	Dầu ăn	0.02	65,000	1,300							
		Gia vị			1,000							
	Tổng thứ Năm				21,110		788.675		5,637			
Thứ	Tên món	Thực phẩm	ĐL Số	Đơn Giá	Thành Tiền	ĐL Chín	Kilo	Phụ Phí	Giá Trị	T Thuế	VAT	Tổng Tiền
Thứ Sáu	Cơm trắng	Gạo tẻ thơm	0.11	21,000	2,310	0.22	440	Khí đốt	1,200	27,213	3,000	30,213
	Gà chiên giòn	Thịt gà	0.08	80,000	6,400	0.064	112	CNV	2,295			
		Bột chiên giòn	0.0012	55,000	66	0.0007	2.16	KH	500			
		Bột quyck	0.002	100,000	200	0.0012	1.86	Bảo hiểm	50			
	Chả cá rim	Chả cá	0.02	100,000	2,000	0.012	30	Lãi	1,295			
	Bí xanh xào gừng	Bí xanh	0.065	25,000	1,625	0.039	97.5	Nước tẩy/rửa xe giao hàng	50			
		Gừng củ	0.001	50,000	50	0.3	750		247			
	Canh khoai tây cà rốt nấu xương	Xương	0.005	70,000	350	0.3	10.2					
		Khoai tây	0.02	25,000	500							
		Cà rốt	0.005	25,000	125							
	Sữa Kun dẫu	Sữa Kun dẫu	1	5,000	5,000							
	Gia vị nấu	Dầu ăn	0.03	65,000	1,950							
		Gia vị			1,000							
	Tổng thứ Sáu				21,576		1443.72		5,637			
									30,000	150,000.00	150,001.00	1.00



Tổng 5 ngày

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hương



GIÁM ĐỐC

Mai Thị Vân Anh

